

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM (1)

(Ngày 25 tháng 11 năm 2024) (2)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Vũ Thị Hồi Ngày tháng năm sinh: 02/10/1975
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Bí thư chi bộ - Phó hiệu trưởng - Chủ tịch CĐ
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Tiểu học Hải Thành quận Dương Kinh - Hải Phòng
- Nơi thường thường trú: Số 10, tổ 1A phường Hải Thành - Dương Kinh - Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân (3): 031175001125, ngày cấp: 29/04/2021, nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Vũ Thành Công Ngày tháng năm sinh: 27/ 02/ 1972
- Nghề nghiệp: Bộ đội
- Nơi làm việc (4): Phòng Khí tài đặc chủng - Viện kỹ thuật Hải quân
- Nơi thường trú: Số 9, đường Mạc Quyết, tổ dân phố Phú Hải, phường Anh Dũng - Dương Kinh - Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân (3): 031072003606, ngày cấp: 22/12/2021, nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú về dân cư

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất: Đã thành niên

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: Vũ Nhật Minh Ngày tháng năm sinh: 05/07/2007
- Nơi thường trú: Số 10, tổ 1A phường Hải Thành - Dương Kinh - Hải Phòng

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN (5)

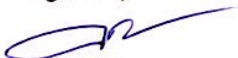
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất (6)

1.1 Đất ở (7):

11.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ(8): Tổ dân phố số 1, phường Hải Thành - Dương Kinh - Hải Phòng, nay là số 10, tổ 1A phường Hải Thành - Dương Kinh - Hải Phòng.

Người nhận



Người khai



- Diện tích(9): 70,0 m²
- Giá trị(10): 2,2 tỷ
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng (11): Thừa số 205a, tờ bản đồ số 01; Số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Q00052/Q1, do Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh cấp ngày 03/4/2008
- Thông tin khác (nếu có) (12): Không

1.1.2. Thừa thứ hai:

- Địa chỉ(8): Tổ dân phố Tân Lập, phường Tân Thành - Dương Kinh - Hải Phòng
- Diện tích(9): 120,0 m²
- Giá trị(10): 1 tỷ
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng (11): chưa có giấy CNQSDĐ
- Thông tin khác (nếu có) (12): Trích đo, thừa số 110, thuộc bản đồ số 01 - TDP Tân Lập, phường Tân Thành, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, lập ngày 15/03/2014.

1.1.3 Thừa thứ ba:

- Địa chỉ(8): Thôn Văn Hoà, xã Hữu Bằng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng
- Diện tích(9): 546,3 m²
- Giá trị(10): Tài sản trao tặng nên không tính được giá trị.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng (11): Thừa số 423, tờ bản đồ số 35; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CN01953, do Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy cấp ngày 24/2/2024
- Thông tin khác (nếu có) (12): Thừa đất được tách ra từ thừa đất số 196, tờ bản đồ số 35

1.2 Các loại đất khác (13): Không

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị :
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng.....
- Thông tin khác (nếu có).....

1.2.2 Thừa thứ hai (trở lên): Kê khai như thừa thứ nhất

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

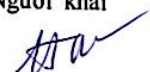
2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Số 10, tổ 1A, phường Hải Thành - Dương Kinh - Hải Phòng

Người nhận



Người khai

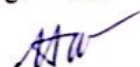


- Loại nhà(14): Nhà ở riêng lẻ
- Diện tích sử dụng(15): 185 m²
- Giá trị: 2,2 tỷ
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Thửa số 205a, tờ bản đồ số 01; Số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Q00052/Q1, do Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh cấp ngày 03/4/2008
- Thông tin khác (nếu có): Không
- 2.1.2. Nhà ở thứ hai (trở lên) : Không
- 2.2 Công trình xây dựng khác (16): Không
- 2.2.1. Công trình thứ nhất
 - Tên công trình..... Địa chỉ:.....
 - Loại công trình:..... cấp công trình.....
 - Diện tích:
 - Giá trị:.....
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu:.....
 - Thông tin khác (nếu có):.....
- 2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.
- 3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không
- 3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:
 - Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- 3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:
 - Loại rừng:.....Diện tích:.....Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Loại rừng:..... Diện tích:..... .Giá trị⁽¹⁰⁾:
- 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:
 - Tên gọi:.....Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Tên gọi:.....Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không
- 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: 500.000.000 đồng

Người nhận



Người khai



6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:.....Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:.....Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:.....Giá trị:.....

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:.....Giá trị.....

- Hình thức góp vốn:.....Giá trị.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá:Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Ô tô: 01 chiếc Mazda3 Số đăng ký: 15A - 51804 Giá trị: 620 triệu đồng

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không

- Tên tài sản:.....Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:.....Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 548.518.007đ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 316.558.307đồng/ năm

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 231.960.000 đồng/ năm

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không

Người nhận



Người khai



- Tổng các khoản thu nhập chung: Không

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở	+ 01	- Không tính được giá trị	- Đất được bố mẹ trao tặng
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.		500.000.000đ	+ 230.000.000đ tiền tích lũy của năm 2023 để lại + 270.000.000 tiền tích lũy của năm 2024 (do tăng lương, thu nhập bình quân tăng thêm và tiết kiệm chi tiêu)
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			

Người nhận

Người khai

<p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.</p>		<p>548.518.307đ</p>	<p>- Tổng thu nhập của người kê khai: 316.558.307đ</p> <p>+ Lương, phụ cấp, thu nhập khác: 266.687.307đ</p> <p>+ Thu nhập tăng thêm: 49.871.000đ</p> <p>- Tổng thu nhập của chồng: 231.960.000 đ</p>
--	--	---------------------	--


Hải Thành, ngày... 25 tháng... Năm... 2024
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Dương Thị Thanh Hồng

Người nhận

Hải Thành, ngày 25 tháng 11 năm 2024
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)



Vũ Thị Hồi

Người khai